

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
I	Đào tạo quân sự						
1	QS	Kỹ thuật Cơ khí Kỹ thuật Điện tử - viễn thông Kỹ thuật Xây dựng Công nghệ thông tin Công nghệ vật liệu Công nghệ kỹ thuật hóa học Kỹ thuật Cơ điện tử Khoa học máy tính Hệ thống thông tin Kỹ thuật phần mềm Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7860220	Chỉ huy quản lý kỹ thuật	360	1) Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển 2) Xét tuyển học sinh giỏi bậc THPT, chứng chỉ quốc tế. 3) Xét tuyển bằng kết quả thi ĐGNL của ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh 4) Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT theo 03 tổ hợp: A00 (Toán, Vật lý, Hoá học), A01 (Toán, Vật lý, tiếng Anh), A0T (Toán, Vật lý, Tin học).	- Chỉ tiêu miền Bắc 234 (trong đó chỉ tiêu thí sinh giới tính nam là 223 , chỉ tiêu thí sinh nữ là 11); chỉ tiêu miền Nam là 126 (trong đó chỉ tiêu thí sinh giới tính nam là 120 , chỉ tiêu giới tính nữ là 06). - 180 chỉ tiêu đào tạo tại nước ngoài (Nga, Sec, Pháp, Đức, Nhật, Trung Quốc...) - 30 chỉ tiêu đào tạo chất lượng cao. - 05 chỉ tiêu đào tạo liên kết trong

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
		An toàn thông tin					nước.
		Kỹ thuật Trắc địa – bản đồ					
II	Đào tạo dân sự						
1	DS01	Hệ thống thông tin	7480104	Công nghệ thông tin	60	1) Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển 2) Xét tuyển học sinh giỏi bậc THPT, chứng chỉ quốc tế. 3) Xét tuyển bằng kết quả thi ĐGNL của ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh 4) Xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT theo 03 tổ hợp: A00 (Toán, Vật lý, Hoá học), A01 (Toán, Vật lý, tiếng Anh), A0T (Toán, Vật lý, Tin học).	
2	DS02	Trí tuệ nhân tạo	7480101	Khoa học máy tính	60		
3	DS03	An toàn không gian mạng	7480202	An toàn thông tin	60		
4	DS04	Điện tử - viễn thông	7510301	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	60		
5	DS05	Thiết kế vi mạch và hệ thống nhúng	7510301		60		
6	DS06	Công nghệ bán dẫn và Nano	7510301		40		
7	DS07	Tự động hoá	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	80		
8	DS08	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	60		
9	DS09	Công nghệ Chế tạo máy	7520103	Kỹ thuật cơ khí	60		
10	DS10	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	7580208	Kỹ thuật xây dựng	60		